

Chú Giải Luật Thiện Kiến

Hán dịch: Tăng-già-bạt-đà-la - Việt dịch: Tỳ kheo Tâm-Hạnh

Quyển thứ bảy

-ooOoo-

Pháp sư nói: Sau đây sẽ giải thích từng câu trong luật. Chữ gọi là (danh) trong luật vẫn không chỉ cho một sự việc mà bao gồm người, tu tập, sinh ra, tên, họ, giới, chùa, hành động, tuổi tác. Sau đây, tôi sẽ trình bày rõ từng vấn đề trên. Người (puggala) là người nào đó hoặc cao, thấp, đỏ, đen, trắng, mập, ốm. Sự tu tập (Yutta) là tu thiền định hoặc về tăng sự, hoặc về học vấn. Sinh nghĩa là sinh vào nhà Sát-đế-ly hay Bà-la-môn hay Tỳ-xá hay Tu-đà (Jacca - khattiya, brâmana, vessa, sudda). Tên, có khi tên Phật-đà-lặc-cật-đa, hoặc Đam-vô-lặc-cật-đa, hoặc Tăng-già-lặc-cật-đa [nâma (buddharakkhita, dhammarakkhita, sangharakkhita)]. Họ, hoặc là họ Ca-chiên-diên, Bà-tư-xoa, Câu-tu-đà (gotta - kaccâyana, vâsettha, kosiya). Giới, tùy theo giới cấm mà họ thọ trì (sila). Chùa (vihârin) tự viện mà họ cư trú. Hành (gocara - chỗ đi lại, vật thực) là hoạt động, sống theo nghiệp. Tuổi tác (Samp. Thera) là năm, mười, hai mươi, ba mươi tuổi. Chữ gọi là (danh) trong văn luật chỉ cho các sự kiện trên.

Nếu hành động Tỳ kheo thì được gọi là Tỳ kheo. Tỳ kheo là người đi xin (khất-sĩ). Dù có (xin) được hay không cũng gọi là khất sĩ. Đây là hành động của người thiện. Đức Phật, Bích-Chi-Phật, Thanh-văn đều thực hành pháp khất thực. Người nghèo hay giàu mà xuất gia học đạo, từ bỏ trâu bò, ruộng vườn, việc nhà và các công việc nuôi sống bằng sự nghiệp thế tục thì đi khất thực để sống chứ không có tư hữu, đều phải lấy bốn biển làm nhà ở, gọi là Tỳ kheo.

Y-phục phải đem cắt rọc ra (bhinnapatadhara) rồi mới mặc là để làm mất giá trị của y, dùng kim chỉ may lại, làm cho không còn mịn êm nữa mà trở nên thô xấu. Y phục này trước đây trắng đẹp, nay dùng vô cây nhuộm phá mất màu của nó, trở thành y cũ, người xử dùng y này gọi là Tỳ kheo. Thế nên, trong luật có nói rằng ai thường mặc y phục bị cắt rọc này thì gọi là Tỳ kheo.

Cũng có lúc gọi sa di là Tỳ kheo (khất sĩ). Như có đàn việt đến thỉnh Tỳ kheo, sa di tuy chưa thọ giới cụ túc nhưng cũng gia nhập vào số Tỳ kheo; trường hợp này gọi là mang tên Tỳ kheo (danh tự Tỳ kheo).

Câu: Trưởng lão, ta cũng là Tỳ kheo ... đây là giả danh Tỳ kheo.

Pháp sư nói: - Tại sao gọi là giả danh Tỳ kheo? Như trưởng lão A-Nan đi ban đêm, thấy một Tỳ kheo phạm giới nên hỏi: - Ôi! Đây là ai vậy?

Tỳ kheo phạm giới lên tiếng đáp rằng tôi là Tỳ kheo. Trưởng hợp này gọi là giả danh không chân thật.

Thiên lai Tỳ kheo (ehi-bhikkhu). Có người bạch y (thế tục) đến cầu xin Thế Tôn xuất gia. Thế Tôn quán sát căn cơ của họ, nếu đầy đủ nhân duyên có thể độ được thì Ngài

gọi: Thiện lai Tỳ kheo (hãy đến đây này Tỳ kheo!). (Được Phật gọi như vậy) râu tóc người này tự rụng và trở thành Tỳ kheo.

Gọi ở đây nghĩa là từ trong tâm ý nhiều mảnh (rattapamsukūlantara), Như Lai đưa bàn tay phải màu hoàng kim ra, bằng tiếng phạm âm (Brahmaghosa) gọi hãy đến đây (thiện lai) tu tập phạm hạnh để tận diệt nguồn khổ.

Nghe Phật nói chưa xong, vị này đã thành Tỳ kheo, đặc giới cụ túc, có đầy đủ cả ba y ca-sa tươi sáng như hoa sen đỏ, vai trái mang bát đất màu như cọng hoa sen xanh (niluppala), kim (cùsi), chi (bandhana), dao cạo (vāsī), túi lược nước (parissāvana)... Tâm vật này là đồ dùng thông dụng của người xuất gia. Thế Tôn làm hòa thượng vừa là giới sư. Vị này tự nhiên có đầy đủ oai nghi, đến bên Phật đem đầu mặt lạy sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên.

Pháp sư nói: - Từ khi Thế Tôn đắc đạo cho đến khi vào Niết-bàn, có bao nhiêu vị thiện-lai Tỳ kheo?

Đáp: - Tỳ kheo như vậy có một ngàn ba trăm bốn mươi một vị (1341).

Hỏi: - Tên họ các vị ấy là gì?

Đáp: - Nhóm A-nhã Kiều-Trần-Như (Annāta-Kondanna) có năm vị. Tiếp đến là con trưởng giả Da-Thu (Yasa) một vị và năm mươi bốn người bạn thân (sahāyaka) của vị ấy. Bạt-Quần (Bhaddavaggiya) có ba mươi người. Xà-Trí-La (Purānajatila) một ngàn người. Hai vị đại Thanh-vân (Aggāsāvaka) có hai trăm năm mươi người. Ương-Quật-Ma-La (Angulimāla) là một người. Do đó, trong luật khen ngợi 1.341 vị.

*Một ngàn ba trăm,
Bốn mươi một người,
Có tín tâm lớn,
Đích thân gặp Phật.
Như Lai từ bi,
Đưa tay hoàng kim,
Dùng phạm-âm gọi,
Thiện lai Tỳ kheo.
Có đủ y bát,
Được độ đúng lúc.*

Bậc có đại trí tuệ cũng đều được gọi là thiện lai Tỳ kheo chứ không phải chỉ riêng các vị Tỳ kheo thiện lai ở trên. Lại có các vị thiện lai Tỳ kheo khác như nhóm Tư-Lâu-Bà-La-Môn (Selabrāhmana) ba trăm người, nhóm Ma-Ha-Kiếp-Tân-Na (Mahākappina) một ngàn người, một vạn người ở nước Ca-duy-la-vê (Kāpilavatthu) và một vạn sáu ngàn người cùng xuất gia với Ba-đạ-la-ny Bà-la-môn (Pārāyanikabrāhmana), họ đều là bậc thiện lai Tỳ kheo. Sự việc này được nói đến trong kinh tạng, trong luật tạng không nêu ra tên các vị ấy.

Đặc giới cụ túc bằng quy y nghĩa là đọc ba lần câu văn ba quy y thì đặc giới cụ túc. Như trong luật có các trường hợp đặc giới cụ túc như: - Thiện lai Tỳ kheo, ba quy y, được giáo thọ, vấn đáp, thọ trọng pháp (garudhammapatiggahana-upasampadā), nhờ sứ giả (Dūtena-upasampadā), với tám lần nói (atthavācika-upasampadā), bạch tứ yết-ma (nātticatutthakamma-upasampadā).

Pháp sư nói: - Trường hợp đặc giới cụ túc với thiện lai và ba quy y thì đã nói. Các trường hợp khác như:

Được giáo thọ mà đắc giới như trường hợp Phật bảo Ca-Điếp rằng: Ông nên học như thế này. Đối với bậc thượng trung hạ tọa, ta đều có tâm tầm quý. Phật bảo Ca-Điếp rằng: Từ nay ông nên nghe kỹ tất cả thiện pháp và khắc vào cốt, ghi vào tâm, với ý nghĩ rằng tôi đang chú ý, lắng tai nghe pháp. Phật bảo Ca-Điếp rằng: Ông nên học niệm thân như vậy không nên bỏ qua. Nay Ca-Điếp! Nên học như vậy.

Đại đức Ca-Điếp nhờ được (Phật) dạy bảo như vậy nên tức thì đắc giới cụ túc. Sự đắc giới cụ túc của Ca-Điếp là nhờ thần lực của Phật.

Đắc giới cụ túc do vấn đáp như trường hợp Phật cho Tu-Ba-Ca (Sopàka) thọ giới cụ túc. Bấy giờ, tại chùa Phú-bà-la-dy (pubbàrama), đang đi kinh hành, đức Phật hỏi sa di Tu-Ba-Ca về tên của phòng trưởng (uddhumàtakasanna-một trong 10 pháp quán bất tịnh) và tên của sắc, hai pháp này đồng nhất hay khác nhau. Được hỏi theo 10 bất tịnh, Tu-Ba-Ca đáp theo từng pháp. Phật liền khen ngợi: - Lành thay! Và hỏi tiếp rằng: Con bao nhiêu tuổi?

Đáp: - Con bảy tuổi.

Phật bảo với Tu-Ba-Ca rằng con trả lời đúng đắn các câu hỏi với tâm chân chánh giống như bậc Nhất-thiết-trí. Ta cho phép con thọ giới cụ-túc. Đây gọi là đắc giới cụ túc nhờ hỏi đáp.

Thọ trọng pháp đắc giới là trường hợp Tỳ kheo ny Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề chấp nhận thọ tám trọng pháp nên đắc giới cụ túc. Sai sử thọ giới cụ túc như cô ny Bán-ca-Thi (addhakàsi ganikà) sai sử.

Tám lần nói đắc giới cụ túc nghĩa là (giới tử ny) sau khi Tỳ kheo ny bạch tứ yết-ma rồi, lại được Tỳ kheo bạch tứ yết-ma nữa (mới đắc giới) nên gọi là tám lần nói đắc giới cụ túc.

Bạch tứ yết-ma đắc giới cụ túc là pháp mà các Tỳ kheo đang sử dụng hiện nay kể cả trường hợp tám lần nói đắc giới cụ túc.

Pháp sư nói: - Căn cứ bản luật, tôi sẽ trình bày sự việc trên. Phật bảo các Tỳ kheo rằng: Ta cho phép các ông thọ giới cụ túc bằng cách đọc ba quy y. Như vậy là Phật cho phép các Tỳ kheo thọ giới cụ túc bằng cách ấy.

Thiện (Bhadra - hiền tài) là không ác. Đời này, người phạm (từ khi) tu tập thiện pháp cho đến chứng quả A-la-hán đều được gọi là người thiện. Hoàn thiện về giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến (Sila, samàdhi, panna, vimutti, vimutti-nànadassana), người có trọn vẹn cả năm phần này thì gọi là người thiện.

Chân chính (Sàra - phần cốt lõi, có giá trị), giới là chân chính tối thượng nên gọi là chân. Như vải bạch điệp được nhuộm bằng màu xanh, sau khi có màu rồi thì được gọi là vải xanh. Tỳ kheo chân chính cũng vậy, nhờ nơi giới nên được gọi là chân Tỳ kheo. Trừ bỏ hết phiền não, chứng lậu tận la-hán cũng được gọi là bạch chân-nhân.

Hữu học (sekha) là phạm phu cùng bảy hạng học-nhân đang học về ba học, gọi là Tỳ kheo hữu học. Vô-học (Asekha) là bậc đã vượt qua địa vị hữu học, đạt đến quả vị trên cùng, từ đây không còn gì phải học nữa, các lậu đã không còn, nên gọi là vô học.

Tập tăng Tỳ kheo là tập hợp tăng với tối thiểu là năm vị. Nhiều hơn (năm vị) là tùy theo yêu cầu nhiều hay ít.

Nên lấy dục (chanda) là lấy dục trong hiện tại. Tăng đã hòa hợp, không có người bị cử tội, thì cùng nhau hòa hợp tác pháp yết-ma.

Bạch tứ yết-ma là một lần bạch và ba lần yết-ma (tihanusāvanāhi ekāya natiyā).

Đúng pháp yết-ma là tiến hành yết-ma đúng pháp.

Không xấu (akuppa-không xao động) là người không có lỗi tác pháp yết-ma.

Tâm thiện chúng không thể phá hoại nghĩa là không có điều đáng chê nên gọi là không xấu.

Thiện nghĩa là tác pháp và làm theo lời dạy của Như Lai một cách tốt đẹp.

Túc là được tướng của bậc trên, cũng gọi là đạt đến.

Hỏi: - Tướng của bậc trên là gì?

Đáp: - Hình tướng của Tỳ kheo là tướng bậc trên, vì nhờ bạch tứ yết-ma nên có được tướng bậc trên. Đây gọi là bạch tứ yết-ma đặc cụ túc giới. Tôi sẽ trình bày về bạch tứ yết-ma, những phần khác sẽ giải thích sau. A-Ba-Lâu-Ca (Apalokanakamma) (hán dịch là bạch chúng với từng việc nhỏ), bạch yết-ma, bạch nhị yết-ma, bạch tứ yết-ma. Những pháp yết-ma trên tuân tự được xử dụng từ đầu đến cuối trong Tắc-đà-ca (khandhaka-kiền-độ-phần đoạn) và Ba-ly-bà-la (Parivāna-phần phụ lục). Tôi sẽ giải thích rộng. Trình bày ở trong nghĩa là tuân tự giải thích làm cho người đọc dễ hiểu những phần rắc rối trong Ba-la-di đầu tiên cho đến phần cuối.

Trong này, chúng tăng đã tập hợp là chỉ cho các vị Tỳ kheo được bạch tứ yết-ma, nếu Tỳ kheo nào làm việc bất tịnh thì bị tội Ba-la-đy còn các Tỳ kheo khác đều gọi là Tỳ kheo, tức là Tỳ kheo cùng các Tỳ kheo khác trọn đời sống trong giới pháp.

Giới nghĩa điều cần phải học. Học (sikkhā) có ba sự học là tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ (adhisila, adhicitta, adhipannā).

Hỏi: - Tăng thượng giới là gì?

Đáp: - Tăng thượng nghĩa là không gì bằng. Giới nghĩa là học cũng gọi là pháp học không gì bằng.

- Tăng thượng tâm là quả tâm (tâm thiện định).
- Tăng thượng tuệ là hành động mà biết rõ kết quả.

Hỏi: - Thế nào là học? Thế nào là tăng thượng học? Thế nào là tâm? Thế nào là tăng thượng tâm? Thế nào là tuệ? Thế nào là tăng thượng tuệ?

Đáp: - Năm giới, mười giới là học, dù đức Phật có ra đời hay không, trong thế gian vẫn luôn luôn có giới này. Khi Phật ra đời, đức Phật và các Thanh-văn (đem giới pháp này) giáo hóa người khác. Trong thời kỳ Phật chưa ra đời, Bích-Chi-Phật (Paccekabuddha), các sa-môn và Bà-la-môn tin về nghiệp lực và pháp, Chuyên-Luân-Thánh-Vương, các đại Bồ tát (kammavādin ca dhammika samanabrāhmana, cakkavattin, mahārājan, mahābodhisatta) (đem giới pháp này) giáo hóa mọi người, tự thân đạt được trí tuệ rồi đem dạy bảo cho sa-môn, Bà-la-môn khác. Người nào có công đức nhờ giữ điều học ấy (giới) thì khi qua đời được sinh thiên hay nhân gian hưởng thụ các sự hoan lạc, nên gọi là học giới.

Ba-la-đề-mộc-xoa (pàtimokkha) là điều học tối thượng. Trong các loại ánh sáng thì ánh sáng mặt trời là vua. Trong các núi thì núi Tu-di lớn nhất. Trong các điều học (giới) trong thế gian thì Ba-la-đề-mộc-xoa là tối thượng. Như Lai ra đời mới có pháp này, nếu không có Phật ra đời thì chẳng có chúng sinh nào thành lập được pháp này. Đức Phật dùng học giới tối thượng này để chế ngự việc ác của thân, miệng, ý. Có thể nói rằng ai thọ trì điều học này là đi vào đạo quả, nên gọi là tăng thượng học. Tâm nghĩa là lục-dục có tâm tâm công đức và tâm tâm định thuộc thế gian, vượt qua tất cả tâm thế gian này, chỉ có Phật ra đời mới (tu tập được) tâm này nên gọi là thượng tâm. Đây là tâm đạo và quả (siêu thế). Ai có tâm này thì không còn làm pháp bất tịnh.

Tuệ nghĩa là đối với nhân và quả, nhờ tuệ mà biết được nghiệp là nhân và báo là quả, nên gọi là tuệ. Dù Phật có ra đời hay không cũng đều có pháp này. Sau khi ra đời, Phật và Thanh-văn đem pháp này dạy bảo người khác. Trong thời kỳ Phật chưa ra đời thì các sa-môn và Bà-la-môn tin về nghiệp lực và pháp, Chuyển luân thánh vương, các đại Bồ tát cũng đem pháp này dạy bảo người khác. Như A-Câu-La (Ankura) tổ chức đại hội bố thí (Mahādāna) suốt mười ngàn năm, như Bà-la-môn Tỳ-la-ma (Velāma), như Tỳ-đà-la (Vessantara) và các bậc có trí tuệ khác tổ chức đại hội bố thí, viên mãn các công đức, được sinh cõi trời vì hưởng thụ các khoái lạc.

Thượng tuệ là hiểu rõ ba tướng luân chuyển khô, không, vô ngã. Đối với hai pháp thượng học và thượng tâm thì thượng tuệ vượt lên trên nên gọi là thượng tuệ. Khi nào có đức Phật xuất thế mới có thượng tuệ này. Tuệ của đạo quả cũng gọi là thượng tuệ. Thế nên, Tỳ kheo thọ trì tam học mà làm việc bất tịnh thì bị tội Ba-la-đề-mộc-xoa trong tam học thì gọi là giữ trọn đời. Lại nữa, các Tỳ kheo khác nhau về chủng tộc, đất nước, làng xóm, họ tên, nhưng sống chung một trú xứ và cùng thọ trì một học giới nên gọi là cùng sống chung. Họ không vi phạm Ba-la-đề-mộc-xoa thì gọi là trọn đời.

Giới suy kém không mất nghĩa là không xả giới nhưng giới tướng đã suy giảm mà không nói với người khác. Nếu giới bị suy giảm có nói với người khác mà không xả giới thì giới cũng không mất.

Pháp sư nói: - Vì sao không nói xả giới mà nói giới suy kém? Như trong giới bốn nói rằng không được cùng ngủ chung qua hai ba đêm vì bị tội. Do lời nói khinh thường nên Phật mới dạy như vậy. Giới suy kém cũng vậy. Thế nên giới bốn nói rằng lời lẽ phải hoàn hảo mới được thuyết pháp. Như vậy, ý nghĩa xả giới thì đã đủ rõ, cần gì phải nói suy kém? Ví như vị vua không người tùy tùng, không có mã, chuỗi ngọc trang sức, không trang nghiêm thì mọi người nhìn vào không cho là hoàn hảo. Do đó, nói giới suy kém trước, sau nói không xả giới. Hai câu hợp nhau nên gọi là thiện. Có trường hợp giới suy kém mà không xả, giới không suy kém mà xả. Đối với học giới, tâm ý cảm thấy chán ngán, không muốn giữ nữa nên gọi là giới kém. Ưu sầu nghĩa là chán ngán không còn ưa thích Phật pháp nữa, hoặc nói rằng hôm nay tôi về, ngày mai tôi về, hoặc đi bằng đường này, hoặc đi bằng đường kia, hoặc than vãn thờ dài, tâm tán loạn không ổn định nữa, nên gọi là ưu sầu.

Muốn xả bỏ pháp sa-môn nghĩa là muốn bỏ hình tướng Tỳ kheo.

Chán ghét nghĩa là cho rằng hình tướng Tỳ kheo rất đáng xấu hổ, thấy tướng Tỳ kheo như thấy phân hôi và ưa thích tướng thế tục.

Pháp sư nói: - Sự trình bày theo thứ lớp trong luật dễ hiểu như câu: Từ nay tôi bỏ Phật.

Lành thay! Tôi sẽ bỏ Phật ... nghĩa là nói ra làm cho người khác hiểu. Như vậy là giới suy giảm mà không xả giới.

Pháp sư nói: - Ngoài việc giới suy kém ra, còn nói rằng tôi từ bỏ Phật, Pháp, Tăng, học giới, luật, Ba-la-đề-mộc-xoa, hòa thượng (upajjhaya), a-xà-lê (Acariya), đồng học (Saddhivihàrika), đệ tử (antevāsika), đệ tử của a-xà-lê, đồng học với hòa thượng (samànupajjhàyaka), đồng học với a-xà-lê và hòa thượng (samànacariyaka)...

Mười bốn câu này là bắt đầu việc giới bị suy kém.

... Hiện nay, tôi là người bạch y thế tục, là Ưu-bà-tắc, là tịnh nhân (Aràmika), là sa di, là ngoại đạo (titthiya), là Ưu-bà-tắc của ngoại đạo (titthiyasāvaka), không còn là sa-môn, không phải là Thích-tử...

Tám câu này đều (là kết quả của) nguyên nhân giới bị suy kém. Từ hai mươi câu này phối hợp nhau thành một trăm mười (hai) câu, gọi là giới suy kém. Tiếp theo, bắt đầu bằng câu tôi nhớ mẹ... có mười bảy câu.

Ruộng đất (khetta) đứng đầu là ruộng lúa.

Đất đai (vatthu) là nơi sản xuất ra trái ngọt, rau, món ăn, lá.

Nghề nghiệp, nghệ thuật (sippa) nghĩa là làm nghề đồ gốm hay làm giao dịch.

Bắt đầu là nhớ nhà nghĩa là ta có cha mẹ nên từ nay phải về phụng dưỡng và tiếp tục gồm có chín câu. Theo như trên..., ta có mẹ phải về phụng dưỡng vì mẹ đã nuôi dưỡng ta... theo sau là mười sáu câu.

Người tu tập phạm-hạnh ăn ngày một bữa, ngủ chỉ một lần, rất là khó làm...tiếp theo là tám câu.

Tôi không khả năng, tôi không chịu đựng được, tôi không vui... có đến 50 câu. lại có 110 câu, có 160 câu.

Pháp sư nói: - Đã nói về trình tự của giới bị suy kém, các vị hãy tự biết lấy những câu xả giới kế tiếp.

Tỳ kheo ..., Pháp sư nói: - Câu này theo tuần tự để hiểu: Tôi từ bỏ Phật, Pháp, Tăng, học giới, luật, Ba-la-đề-mộc-xoa, hòa thượng (upajjhaya), a-xà-lê (Acariya), đồng học (Saddhivihàrika), đệ tử (antevāsika), đệ tử của a-xà-lê, đồng học với hòa thượng (samànupajjhàyaka), đồng học với a-xà-lê và hòa thượng (samànacariyaka)...

Mười bốn câu này đều là lời nói từ bỏ, nói ra cho người khác hiểu. Đây là muốn ra khỏi pháp, ra khỏi chúng Tỳ kheo nên nói cho người khác hiểu. Nếu người nào có ý định nói Phật của tôi từ bỏ nhưng gặp khi mở miệng lại nói tôi từ bỏ Phật thì không phải nói đúng với ngôn ngữ của Thiên-trúc mà nói bằng một ngôn ngữ khác với câu Phật của tôi từ bỏ, pháp của tôi từ bỏ... cho đến đồng học. Như trong luật nói: Được thánh lợi mãn túc nên định nói tôi sấp vào sơ thiên nhưng khi nói lại nói nhầm là tôi vào nhị thiên thì cũng như trường hợp trên. Người này muốn xả bỏ tướng Tỳ kheo nên nói như vậy. Nếu người nghe hiểu được lời nói này thì thành xả giới. Người này từ pháp của Như Lai rơi xuống hạng thế tục áo trắng cũng như Đề-thích, Phạm, Ma bị mất ngôi (Sakkattà và Brahmattà và cutasatto vija cuto va hoti sāsana).

Ai nói: Tôi đã bỏ Phật hay tôi sẽ bỏ Phật hay tôi đang bỏ Phật. Đây là lời nói trong ba trường hợp quá khứ, tương lai và hiện tại. Nếu sai người, viết thư, làm dấu tay bảo với người khác thì không thành xả giới. Nếu nói dối gạt, không thật, hoặc dùng tay ra dấu thì mất trọng tội. Trường hợp này khác, nếu ai muốn xả và nói với người khác với trình tự có ý nghĩ về lời nói trước, sau mới nói ra thì thành xả giới. Nếu nói với một người và

người ấy hiểu rõ thì thành xả giới. Nếu người này không hiểu mà bên cạnh có người hiểu, không thành xả giới. Nếu nói với hai người mà một người hiểu, một người không hiểu thì cũng thành xả giới. Cả hai người đều hiểu cũng thành xả giới. Nếu nói với cả trăm ngàn người (cùng một lúc), có người hiểu cũng thành xả giới.

Nếu Tỳ kheo bị dâm dục xâm chiếm, muốn nói với bạn đồng học lại e ngại nên vào chỗ khuất nói lớn tiếng từ nay tôi bỏ Phật, hãy hiểu rõ ý tôi. Lúc ấy, bên cạnh có người hiểu rằng Tỳ kheo này muốn xả giới, rời khỏi pháp của Như Lai thì thành xả giới. Trước và sau không ai hiểu lời Tỳ kheo nói cả thì như lời nói thường của thế gian (không thành xả giới). Nếu khi Tỳ kheo nói mà họ không hiểu ngay, qua thời gian sau họ mới suy nghĩ đến và hiểu rõ thì không thành xả giới. Như nói vu vu, như nói lời thô ác cứng đường, vì giận dữ nên nói, đều là những lời không thật trong lúc không bình thường mà ngay lúc ấy (họ) chú ý và hiểu thì người nói bị tội. Nếu họ còn nghi ngờ và lâu lâu sau này mới hiểu thì người nói không bị tội.

Phật bảo các Tỳ kheo: Nhưng những người giới đã bị suy kém mà nói như trên thì thành xả giới. Nếu giới không bị suy kém mà nói người thế tục chấp nhận tôi, tôi muốn thành người thế tục, tôi đang là người thế tục, tôi đã thành người thế tục thì không thành xả giới. Nếu nói hôm nay, tôi khiến người thế tục nhận tôi, làm cho người nghe biết rõ người nói cố ý nói ra, với ngôn ngữ chung Thiên-trúc hoặc không phải ngôn ngữ Thiên trúc mà người nghe hiểu rõ thì thành xả giới.

Pháp sư nói: - Tuân tự như vậy, bắt đầu là Ưu-bà-tắc, tiếp theo là bảy câu, tám câu, mười bốn câu, hai mươi hai câu...ta dùng những pháp này là gì, Phật đối với ta vô ích. Ta đã nói bốn câu này, các ông tự hiểu lấy. Câu chữ tuy nhiều nhưng nghĩa lý như nhau.

Pháp sư nói: - Tôi không thể giải thích hết, các vị hãy xem tuân tự trong luật và tự biết.

Pháp sư nói: - Tôn giả Ưu-Ba-Ly nói rằng đức Phật có 100 danh hiệu, Pháp cũng như vậy, các câu khác cũng như vậy. Tôi sẽ lược nói... như nói tôi nay bỏ Phật, xả giới, tôi bỏ đức Chánh-đăng-giác; tôi bỏ bậc Vô-thượng-ý (Anantabuddhi), bỏ bậc Vô-thượng-giác (Anomabuddhi); bỏ bậc Bồ-đề-trí (Bodhipannāna), bỏ bậc không còn ngu si (Vigatamoha), bỏ bậc thông đạt tất cả. Như vậy, nói rõ tùy theo từng hiệu của Phật thì thành xả giới.

Lại nói từ bỏ pháp, trường hợp này không cần nêu rõ danh hiệu cũng thành xả giới. Như nói bỏ pháp khéo phân biệt thuyết giảng (Svākkhāta dhamma), bỏ pháp hiện-chứng (Sanditthika), bỏ pháp vượt ngoài thời gian (Akālika), bỏ pháp đến để mà thấy (Ehipassika), bỏ pháp dẫn đạo hướng thượng (opanayika), bỏ pháp mà được biết chân thật bằng trí tuệ (Vinnuhi dhamma). Lại nói rằng tôi bỏ pháp vô vi (Asankhata), bỏ pháp ly dục (Virāga), bỏ pháp diệt-đê (Nirodha), bỏ pháp cam lộ bất tử (Amata dhamma), bỏ pháp Trường A-hàm, bỏ Đoàn A-hàm, bỏ Phạm võng, bỏ Sơ-bổn kinh, bỏ Tăng-thuật-đa, bỏ Ương-quật kinh, bỏ Bổn-sinh kinh (Jāta-ka-nikāya), bỏ A-tỳ đấm, bỏ pháp thiện công đức (Kusaladhamma), bỏ pháp công đức cũng phi công đức (abyākata dhamma - vô ký pháp), bỏ pháp niệm-xứ (sati-patthāna), bỏ pháp chánh tinh tấn (sammappadhāna), bỏ pháp thân tức (Idhipāda), bỏ pháp căn (Indriya), bỏ pháp lực (bala), bỏ pháp nhân Bồ đề (Bojjhanga), bỏ pháp đạo (magga), bỏ pháp quả (phala), bỏ Niết-bàn, tôi bỏ tám vạn bốn ngàn pháp tụ (Dhammakkhanda). Nếu nêu rõ ra những danh hiệu như vậy thì thành xả giới.

Tôi bỏ Tăng... lời nói này không nêu rõ danh hiệu như bỏ tăng sống theo thiện hạnh, tăng theo chánh hạnh, tăng theo như lý hạnh, tăng theo hòa hợp hạnh, bỏ tăng bốn đời, bỏ tăng tám vị, bỏ ứng cúng, bỏ bậc đáng chấp tay cúng dường, bỏ vô thượng phước điền (anuttara punnakkhetta) xứng gọi là tăng, cũng thành xả giới. Nay tôi xả giới. Lời

nói này không nêu rõ danh hiệu cũng thành xả giới. Như nói xả giới bằng các danh hiệu như xả giới Tỷ kheo, xả giới Tỷ kheo ny, xả thượng-học, thượng-tâm, thượng-tuệ thì thành xả giới. Xả luật Tỷ kheo, xả luật Tỷ kheo ny, xả Ba-la-di thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, xả tăng-già-bà-thi-sa, thu-lan-giá (thullaccaya), xả ba-dật-đề, xả Ba-la-đề-đề-xá-ny (pâtidesanniya), xả đột-cát-la, xả đầu-bà-hòa-đa (dubbhāsita - tội vi tế), nêu rõ tên các loại giới ấy cũng thành xả giới. Tôi xả Ba-la-đề-mộc-xoa, tuy không nêu rõ danh hiệu, cũng thành xả giới. Xả Tỷ kheo Ba-la-đề-mộc-xoa, xả Tỷ kheo ny Ba-la-đề-mộc-xoa, nêu ra những danh hiệu này cũng thành xả giới. (Nói) tôi xả điều học cũng thành xả giới. Xả Tỷ kheo học, Tỷ kheo ny học, thứ nhất, thứ nhì cho đến Ba-la-đề-mộc-xoa học, xả Chánh-đăng-chánh-giác học, xả Vô-thượng-y học, xả trí tuệ học, xả lý vô minh học, tuân tự như trên.

Tôi nay xả vị hòa thượng độ tôi xuất gia tại chỗ... và truyền giới cụ túc cho tôi tại chỗ... Tôi xin xả vị ấy. Như vậy, nếu xả bằng cách nêu rõ danh hiệu hòa thượng thì thành xả giới. Tôi nay xả a-xà-lê, lời này tuy không nêu rõ danh hiệu cũng thành xả giới. Như nói vị độ tôi, vị dạy tôi, tôi vi chí vào vị đó để học hỏi; tôi xin xả vị ấy. Nếu nêu rõ danh hiệu của a-xà-lê thì thành xả giới. Nếu nói tôi xả đệ tử, lời này không nêu rõ danh hiệu nhưng giới cũng bị xả. Hay nói người mà tôi độ, tôi truyền giới cụ túc, được tôi cho xuất gia, được tôi cho đắc giới cụ túc, nay tôi xả người ấy. Xả đệ tử với danh hiệu như vậy thì thành xả giới. Nay tôi xả đệ tử (gọi tôi là) a-xà-lê thì cũng thành xả giới. (như nói) người mà tôi cho xuất gia, dạy bảo, học hỏi nơi tôi, tôi xả người ấy. Do nêu rõ danh hiệu thì thành xả giới. Tôi nay xả vị đồng học giới thì thành xả giới. Người mà thầy tôi cho thọ giới cụ túc, đắc giới cụ túc từ thầy tôi, tôi xả người ấy. Nếu rõ danh hiệu của vị đồng học cũng thành xả giới. Nếu nói tôi xả vị đồng học a-xà-lê với tôi thì cũng thành xả giới. Như nói người mà a-xà-lê của tôi độ và cho giới cụ túc, học hỏi nơi a-xà-lê ấy, được a-xà-lê của tôi dạy bảo cho biết, tôi xả người ấy. Như vậy, nếu nêu rõ danh hiệu người đồng học a-xà-lê với mình thì thành xả giới. Nếu nói: Tôi xả tất cả các vị đồng học thì thành xả giới. Người nào mà cùng học với tôi một loại định, một loại tuệ, tôi xả người ấy. Như vậy, nếu nêu rõ danh hiệu tất cả các vị đồng học thì thành xả giới.

Nếu nói: Tôi đang là người thế tục, thì thành xả giới. Nếu nói: Tôi trở lại đời sống như trước, tôi làm khách buôn, cày ruộng, nuôi trâu bò, hưởng năm dục. Như vậy, nêu rõ bằng danh hiệu thế tục thì thành xả giới. Nếu nói: Tôi đang là cận sự nam thì thành xả giới. Tôi là cận sự nam, nói lần thứ nhì, nói lần thứ ba. Tôi giữ năm giới hoặc giữ mười giới. Tôi đang là cận sự nam. Như vậy, nếu nêu rõ danh hiệu là cận sự nam thì thành xả giới. Nếu nói tôi đang làm tịnh nhân thì giới liền xả. Nói: Tôi đang làm người sai khiến của chúng tăng, tôi đang phân chia cháo, phân gạo, phân cây, trái. Dùng danh hiệu tịnh nhân như vậy thì thành xả giới. Nói: Tôi làm sa di thì thành xả giới. Tôi làm sa di nhỏ, sa di trẻ. Nếu nêu rõ danh hiệu sa di như vậy thì thành xả giới.

Nói: Tôi đang làm ngoại đạo thì thành xả giới. Nói: Tôi làm ny-càn-đa (nigantha), A-dân-bà-ca (Ajvīvaka), làm Đa-ba-tu (Tāpasa), làm Ba-li-bà-sà (Paribbājaka), làm Bàn-lang-cụ (Pandaranga); dùng những danh hiệu ngoại đạo như vậy thì thành xả giới. Nếu nói: Tôi là cận sự nam của ngoại đạo thì thành xả giới. Như nói tôi là cận sự nam của Ny-càn, làm cận sự nam của A-diễn-ưu-bà-tác-ca, làm cận sự nam của Đa-bà-tu, làm cận sự nam của Ba-ly-ba-xà, làm cận sự nam của Bàn-lang-cụ. Nếu nêu rõ các danh hiệu ngoại đạo như vậy thì thành xả giới. Nếu nói tôi không phải là sa-môn thì thành xả giới.

Như nói: Tôi phá giới, làm việc ác, làm pháp che đậy ô uế bất tịnh, không phải sa-môn mà tự xưng sa-môn, không phạm hạnh mà tự xưng phạm hạnh, bên trong chứa đầy hôi thối. Nếu nêu rõ những danh hiệu sa-môn như vậy thì thành xả giới. Nếu nói: Tôi không phải là Thích-tử (Asakyaputtiya) nữa thì thành xả giới. Nói: Tôi không phải

Chánh-đăng-giác tử, không phải Vô-lượng-ý tử, không phải Vô-thí-ý tử, không phải Bồ-đề-trí tử, không phải Dũng-mãnh tử, chẳng phải Vô-ngu-si tử, không phải Thông-đạt-vô-ngại tử, không phải Thắng-thắng tử, nếu nêu rõ danh hiệu Thích-tử như vậy thì thành xả giới. Với nguyên nhân này, với biểu hiện này, với phương tiện này, dùng danh hiệu của Phật, nói ra như vậy rồi đều thành nhân của xả giới. Nếu không nêu rõ danh hiệu Phật ra mà chỉ nói bằng những từ ngữ còn lại thì không thành xả giới.

Pháp sư nói: - Như vậy tôi đã nói rõ việc xả giới tương. Đối với việc không xả giới đã nêu thì không nên nghi ngờ. Tôi đã nói rộng việc xả giới, lấy người làm nguyên nhân, hoặc nhân vì người mà thành xả giới, hoặc nhân vì người mà không thành xả giới.

(Xin xem tiếp Phần 7.b)

-ooOoo-

[Chương trước](#) | [Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Chương kế](#)

Chân thành cảm ơn Thầy kheo Thiện Minh đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 01-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 10-02-2001